TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2022/QĐST-TCDS	*Ba Đồn, ngày 02 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; khoản 2 Điều 158; Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" và điểm c Điều 1.3, Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST-TCDS ngày 13 tháng 01 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 194 T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hà Thanh H - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ;

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Việt H, Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Quảng Bình; địa chỉ:

số 332a Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Ông Mai Â, sinh năm 1969 và Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Số tiền ông Mai Â và bà Hoàng Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/10570521/HĐTD ngày 22/12/2021 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 02/2021/10570521/HĐTD ngày 22/12/2021, tính đến ngày 22/02/2023 là 742.038.363 đồng *(bảy trăm bốn mươi hai triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng)*; trong đó bao gồm: dư nợ gốc là 675.000.000 đồng, nợ lãi là 67.038.363 đồng.

2.2. Cam kết trả nợ: ông Mai Â và bà Hoàng Thị H chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Đ theo lộ trình như sau: từ tháng 3/2023 đến hết tháng 12/2023, mỗi tháng trả tối thiểu 10.000.000 đồng; từ tháng 01/2024 đến hết tháng 12/2024, mỗi tháng trả tối thiểu 20.000.000 đồng; từ tháng 01/2025 trở đi, mỗi tháng trả tối thiểu 30.000.000 đồng và phải tất toán khoản vay chậm nhất vào ngày 30/6/2026.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Mai Â và bà Hoàng Thị H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu ông Â và bà H thanh toán ngay toàn bộ số nợ chưa trả theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, đồng thời có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã cam kết để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng của thửa đất số 85, tờ bản đồ số 8 tại thôn Văn Phú, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 115694 do Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn cấp ngày 06/10/2015 cho ông Mai Â và bà Hoàng Thị H và toàn bộ tài sản trên đất, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10570485/HĐBĐ ngày 14/12/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/10570485 ngày 14/12/2017 và Văn bản sữa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/10570485/HĐTC ngày 14/12/2017 số 01/2022/10570485/HĐTC ngày 21/10/2022.

2.4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là được làm tròn số là 16.841.000 đồng (*mười sáu triệu, tám trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).*

Ông Mai Â và bà Hoàng Thị H có Đơn xin giảm án phí, được chính quyền địa phương xác nhận; lý do: gia đình chuyên nghề biển, mấy năm nay mất mùa hải sản, không có thu nhập, giá dầu tăng cao, lại thêm dịch bệnh Covít 19, nên hoàn cảnh gia đình hiện nay rất khó khăn. Xét thấy đơn trình bày của Â và bà H là đúng sự thực, việc gia đình ông bà gặp khó khăn do dịch bệnh là sự kiện bất khả kháng nên Ông, Bà đủ điều kiện được giảm 50% mức án phí phải nộp; vì vậy, số tiền án phí sơ thẩm ông Â và bà H phải nộp là 8.420.500 đồng *(tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, năm trăm đồng).* Ông Â và bà H chưa nộp án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 16.078.*941 (mười sáu triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm bốn*

mươi mốt đồng) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002335 ngày 11/01/2023.

2.5. Về chi phí tố tụng: ông Hoàng Â và bà Hoàng Thị H thỏa thuận chịu và đã nộp đầy đủ toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chổ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức